

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 15 tháng 4 năm 2024

V/v: “Không công nhận là vợ chồng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Quang Tuấn, bà Trương Thị Hồng Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2023/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “Không công nhận là vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 11/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST- HNGĐ ngày 29/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Quách Thị T - Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn Đ - Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt bà Quách Thị T và ông Bùi Văn Đ (bà Quách Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Quách Thị T trình bày: Bà Quách Thị T và ông Bùi Văn Đ tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1998, từ khi bà T và ông Đ chung sống cho đến nay, bà T và ông Đ chưa đăng ký kết hôn tại bất kỳ địa phương nào. Hai người chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Đ và bà T thường xuyên cãi vã

với nhau, ông Đ đã nhiều lần đánh đập bà T. Nay bà T xét thấy tình cảm giữa bà T và ông Đ không còn. Bà T đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố bà Quách Thị T và ông Bùi Văn Đ không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Bà T và ông Đ có 02 con chung là Bùi Thị L, (Giới tính: Nữ), sinh ngày 05/8/1999 và Bùi Văn H (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/4/2002. Do các con đã trưởng thành nên bà Quách Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Bà Quách Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Bùi Văn Đ để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu tuyên bố không phải là vợ chồng của bà Quách Thị T.

Xử: Tuyên bố bà Quách Thị T và ông Bùi Văn Đ không phải là vợ, chồng.

- Về án phí: Bà Quách Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Quách Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về không công nhận là vợ chồng đối với ông Bùi Văn Đ, ông Đ cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án không công nhận là vợ chồng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà Quách Thị T vắng mặt, nhưng bà T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Đ đã được Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng ông Đ vắng mặt không có

lí do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông Đ và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho ông Đ theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Ông Đ đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải nhiều lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Ông Đ cũng đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa bà T vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án xét xử vắng mặt bà T và ông Đ.

[2] Về hôn nhân: Bà Quách Thị T và ông Bùi Văn Đ chung sống từ năm 1998 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; Căn cứ vào Luật hôn nhân gia đình năm 1986, Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống, bà T và ông Đ phát sinh mâu thuẫn, bà T, ông Đ thường xuyên cãi vã với nhau, ông Đ đã nhiều lần đánh đập bà T. Nay bà T xét thấy tình cảm giữa bà T và ông Đ không còn. Bà T nhận thấy không còn tình cảm gì với ông Đ nên đề nghị Tòa án tuyên bố bà T và ông Đ không phải là vợ chồng là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[3] Về con: Bà T và ông Đ có 02 con chung là Bùi Thị L, (Giới tính: Nữ), sinh ngày 05/8/1999 và Bùi Văn H (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/4/2002. Do các con đã trưởng thành nên bà Quách Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Bà Quách Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Quách Thị T phải chịu án phí không công nhận là vợ chồng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc H1; Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu tuyên bố không phải là vợ chồng của bà Quách Thị T.

Xử: Tuyên bố bà Quách Thị T và ông Bùi Văn Đ không phải là vợ, chồng.

2. Về án phí: Bà Quách Thị T phải chịu tiền án phí không công nhận là vợ chồng sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001047 ngày 21/11/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Bà Quách Thị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bà Quách Thị T, ông Bùi Văn Đ. Bà Quách Thị T, ông Bùi Văn Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Tân;
- Chi cục THADS h. Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

